

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019 DS/ST
Ngày: 20/6/2019
Việc kiện: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái
2. Ông Từ Thanh Phương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Việt Quốc, cán bộ Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông Đào Thanh Tuấn, kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2018TLST-DS, ngày 18/12/2018, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019 ngày 29/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Vy H**, (tên thường gọi là 12), sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn Vĩnh Hải, xã Vĩnh H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Bị đơn: Bà **Vy Thị Thanh L**, sinh năm 1954

Địa chỉ: thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh T, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Kim Đ**, sinh năm 1976 (Vợ ông H, ủy quyền cho ông H)

Địa chỉ: thôn Vĩnh Hải, xã Vĩnh H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn: Ông **Trương Tấn Đ**, sinh năm 1955 (chồng bà L, có mặt)

Địa chỉ: thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh T, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Hiện tạm trú tại: thôn Vĩnh Hải, xã Vĩnh H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Nguyễn Trường Duy** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện gửi đến tòa ngày 17 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, **nguyên đơn ông Vy H trình bày:**

Vào năm 2011 bà Vy Thị Thanh L có nhờ ông vay tiền, vì nghĩ bà L là chị ruột ông, gia đình bà đang gặp khó khăn về tiền bạc, nên ông vay của ông Bùi Văn Đ đưa cho bà L tổng cộng là 78.000.000đ, với lãi suất 3% tháng, ngoài ra ông còn cho bà L mượn nhiều lần không có lãi tổng cộng số tiền là 52.000.000đ.

Đến năm 2012 ông đòi lại tiền, bà L viết cho ông giấy hẹn nợ ghi ngày 20/8/2012, với tổng số nợ gốc là 130.000.000đồng, hẹn ông đến ngày 28/8/2012 sẽ trả lãi cho ông theo lãi suất theo thỏa thuận là 3% tháng và đến ngày 20/9/2012 sẽ hoàn gốc cho ông, nhưng từ đó đến nay mặc dù ông đã đòi nợ nhiều lần, nhưng bà L cũng không trả nợ cả gốc và lãi cho ông.

Mặc dù do bà L trực tiếp đứng ra vay mượn tiền của ông, nhưng việc này ông Đ có biết vì bà L vay tiền về để lo cho cuộc sống cho cả gia đình bà.

Nay ông yêu cầu bà L và buộc ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm trả liên đới trả cho ông toàn bộ số nợ gốc là 52.000.000đ và lãi tính từ ngày bà viết giấy hẹn nợ (20/8/2012) đến nay là 82 tháng, theo lãi suất 1% tháng.

Bà Vy Thị Thanh L trình bày:

Vào năm 2011 bà có nhờ em bà là Vy H vay tiền của Bùi văn Đ nhiều lần với tổng số tiền 78.000.000đ, ngoài ra H còn cho bà mượn không lãi là 52.000.000đ, tổng cộng 02 khoản nợ là 130.000.000đ.

Đến năm 2012 Vy H đòi lại tiền, do bà không có tiền trả, nên bà có viết giấy hẹn nợ ghi ngày 20/8/2012, với số nợ gốc là 130.000.000 đồng và hứa sẽ chịu lãi theo tiền vay theo thỏa thuận là 3% tháng, hẹn đến ngày 28/8/2012 sẽ trả lãi và đến ngày 20/9/2012 sẽ hoàn gốc cho H, nhưng kể từ đó mặc dù H có đòi nợ bà nhiều lần, nhưng bà không có tiền trả cho Vy H.

Khi vay tiền chỉ có một mình bà trực tiếp đứng ra vay mượn, mục đích là lo cho cuộc sống trong cả gia đình và ông Đ có biết việc vay mượn tiền này.

Nay bà xác định chưa trả nợ cả gốc và lãi cho H, bà chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của H, hiện nay hộ gia đình bà được nhà nước bồi thường, hỗ trợ tiền thu hồi đất với số tiền hơn 2,4 tỷ đồng, nhưng ông Đ chỉ đưa cho bà 100.000.000đ số còn lại ông quản lý hết, không đưa tiền cho bà để trả nợ, nên bà yêu cầu Tòa án buộc chồng bà là ông Trương Tấn Đ phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả toàn bộ số nợ theo yêu cầu của Vy H.

Ông Trương Tấn Đ trình bày:

Việc bà L vay mượn tiền của ông Vy H, ông hoàn toàn không biết và ông không chấp nhận chịu trách nhiệm cùng bà L trả nợ này cho ông Vy H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc

quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Vy H, yêu cầu vợ chồng bà Vy Thị Thanh L và ông Trương Tấn Đ có trách nhiệm trả số tiền 94.640.000đ (gốc 52.000.000đ và lãi tính đến nay là 42.640.000đ)

Về án phí: Bà Vy Thị Thanh L và ông Trương Tấn Đ được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý phát biểu:

Đề nghị Hội đồng xét xử, xác định đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên đây là nợ chung của vợ chồng bà Vy Thị Thanh L, ông Trương Tấn Đ, áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, xem xét buộc ông Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L hoàn trả toàn bộ số nợ cho ông H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng bà L, ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông toàn bộ số nợ gốc là 52.000.000đ và lãi kể từ lập giấy nợ (20/8/2012) đến nay (20/6/2019) là 82 tháng theo lãi suất 1% tháng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và lời thừa nhận của bị đơn, chứng tỏ rằng đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện tại tòa án, thì ông H đứng đơn khởi kiện đối với bà L và ghi rõ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Tấn Đ, nên xác định ông H là nguyên đơn, bà L là bị đơn và ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ kiện và chứng cứ chứng minh:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phía nguyên đơn ông H cung cấp chứng cứ là Giấy hẹn nợ ghi ngày 20/8/2012, thể hiện nội dung bà L có mượn nợ của vợ chồng ông H (12) số tiền 130.000.000đ, hẹn đến ngày 28/8/2012 trả lãi, đến ngày 20/9/2012 sẽ trả hoàn vốn.

Trong quá trình thu thập chứng cứ phía bị đơn bà L thừa nhận giấy hẹn nợ này do bà viết, với số tiền vay gốc là 130.000.000đ, nhưng trong đó có 78.000.000đ của Bùi Văn Đ, mà bà nhờ Vy H vay giùm bà, tình tiết này đã được ông H, ông Đ và bà L thống nhất. Do đó, Hội đồng xét xử, xác định việc ông Vy H cho bà L mượn 52.000.000đ là có thật.

Trong vụ kiện này giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về nội dung vay mượn và số nợ tính đến nay là 94.640.000 đồng (trong đó nợ gốc 52.000.000đ; lãi từ

20/8/2012 đến nay 20/6/2019 là 82 tháng, theo lãi suất 1%/tháng: 52.000.000 đ x 1% x 82 tháng = 42.640.000 đồng)

Vấn đề không thống nhất ở đây là cả nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu đưa chồng bà L là ông Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, để ràng buộc trách nhiệm trả nợ đối với ông Đ. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôn nay, ông Đ cho rằng việc vay mượn tiền là do bà L, ông không biết và bà L không sử dụng tiền này vào mục đích vì nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên ông không chấp nhận liên đới trách nhiệm cùng bà L để trả nợ cho ông Vy H.

Theo bà L khai thì bà và ông Đ là vợ chồng hợp pháp, trong nhà bà là trụ cột chính của gia đình, tại thời điểm này, ông Đ thường xuyên đau bệnh, không có lao động nên việc làm rầy không đạt hiệu quả và sau này đất rầy bị nhiễm bụi của nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân không làm được, nên trong gia đình bà không có thu nhập, một mình bà phải lo toan ăn uống, sinh hoạt cho cả gia đình và xoay sở nợ nần chung trong nhà, bà vay tiền này là để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình bà.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù số nợ vay chỉ do một mình bà L đứng ra trực tiếp vay mượn của ông Vy H trong thời kỳ hôn nhân, theo bà L thì ông Đ biết việc này và mục đích bà vay tiền về là để lo cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không chứng minh được bà L sử dụng tiền vay của ông H vào mục đích riêng tư cho bà L, theo ông H có nhiều lần ông chở mẹ ông (cũng là mẹ của bà L) đến nhà đòi tiền bà L, lúc đó có ông Đ, ông Đ có hứa khi nào nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ đất sẽ trả cho ông H, tình tiết này được bà L thừa nhận, nên có cơ sở xác định số nợ này là nợ chung của vợ chồng và buộc ông Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả toàn bộ số nợ theo yêu cầu của ông Vy H.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích nêu trên, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Vợ chồng bà L, ông Đ thuộc diện người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của ông Vy H đối với vợ chồng bà Vy Thị Thanh L, ông Trương Tấn Đ.

- Buộc vợ chồng bà Vy Thị Thanh L, ông Trương Tấn Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Vy H toàn bộ số nợ là **94.640.000 đồng (chín mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng)**.

3. Về án phí: Vợ chồng bà L, ông Đ được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật; trả lại cho ông H 5.700.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0019763 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng bà L phải có trách nhiệm trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2019). Đối với ông Đ vắng mặt trong phần tuyên án, báo cho ông biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thạch